

MỐI QUAN HỆ GIỮA CƠ CẤU, CHÍNH SÁCH VÀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG TÂY BẮC VIỆT NAM

LÊ HƯƠNG GIANG* -
HỒ THỊ XUÂN THANH**

Vùng Tây Bắc gồm 12 tỉnh: Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Phú Thọ, Tuyên Quang và 21 huyện phía Tây của hai tỉnh (Thanh Hóa, Nghệ An). Đây là khu vực có vị trí chiến lược, đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh, môi trường sinh thái, giàu tiềm năng và lợi thế về kinh tế nông - lâm nghiệp, khoáng sản, thủy điện, du lịch sinh thái, thương mại biên giới... Tuy nhiên, đây cũng là nơi có địa hình phức tạp, hiểm trở, chia cắt, hạ tầng kém phát triển, giao thông đi lại khó khăn, chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, thường xuyên bị thiên tai, gây hậu quả nghiêm trọng (hạn hán, bão, lũ, sạt lở đất, lốc xoáy, mưa đá, rét đậm...). Vì vậy, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) khó khăn, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS) còn có khoảng cách khá xa so với mặt bằng chung cả nước, tỷ lệ nghèo đói và tái nghèo vẫn cao nhất nước, người nghèo chủ yếu là đồng bào các DTTS sống ở vùng cao, vùng xa, các xã đặc biệt khó khăn.

1. Về cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh Tây Bắc

Đối với vùng DTTS và miền núi, phát triển nguồn nhân lực (NNL) là nhân tố cơ bản

quyết định sự phát triển KTXH; có vai trò quyết định đến học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật của NNL; đào tạo ra những người có khả năng dẫn dắt, tập hợp cộng đồng DTTS trong tổ chức sản xuất, quản lý xã hội; tạo NNL có khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ mới song song với việc phát huy các tri thức bản địa và kinh nghiệm của DTTS trong phát triển KTXH, đồng thời, có khả năng giải quyết những vấn đề mới, vấn đề phát sinh trong thực tiễn, sản xuất và đời sống xã hội.

Nhận thức rõ điều đó, những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều cơ chế, chính sách nhằm phát triển NNL đồng bào DTTS và miền núi nói chung, vùng Tây Bắc nói riêng. Theo tổng hợp của Ủy ban Dân tộc, các chính sách đang còn hiệu lực gồm có 118 chương trình, chính sách triển khai thực hiện ở vùng DTTS và miền núi, trong đó có 54 chính sách trực tiếp cho đồng bào DTTS, vùng DTTS và 64 chính sách chung có ưu tiên cho đồng bào DTTS¹.

Tính từ năm 2016 đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 41 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính

* TS, Trường Đại học Lao động xã hội

** ThS, Trường Đại học Lao động xã hội

sách hỗ trợ phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi. Trong đó, các chính sách liên quan trực tiếp tới phát triển NNL đồng bào DTTS về phát triển giáo dục - đào tạo (5 chính sách); phát triển văn hóa (4 chính sách)...². Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển KTXH các DTTS rất ít người giai đoạn 2016 - 2025 được thực hiện tại 194 thôn, bản sinh sống tập trung các DTTS rất ít người trong đó có các tỉnh thuộc Tây Bắc. Đề án đưa ra mục tiêu: đến năm 2025, dân tộc nào cũng có cán bộ tham gia trong hệ thống chính trị ở cơ sở và có lớp học kiên cố, nhà công vụ cho giáo viên và nhà sinh hoạt cộng đồng³.

Ngày 15/6/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 52/2016/NQ-CP về đẩy mạnh phát triển NNL các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030. Nghị quyết xác định: nâng cao, phát triển toàn diện NNL các DTTS về thể lực, trí lực và tác phong, kỷ luật, kỹ năng nghề nghiệp, cơ cấu hợp lý, trong đó ưu tiên các DTTS có NNL còn hạn chế để từng bước thu hẹp khoảng cách với trình độ chung của quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, nhu cầu thị trường lao động hiện tại và tương lai; xây dựng đội ngũ trí thức, doanh nhân, cán bộ người DTTS và lao động trực tiếp có chất lượng nhằm thúc đẩy phát triển KTXH, giảm nghèo bền vững, bảo đảm quốc phòng - an ninh quốc gia và vùng đồng bào DTTS.

Các nhóm chính sách dân tộc liên quan trực tiếp đến phát triển NNL đồng bào DTTS, gồm: chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục (Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015); chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập (Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015); chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016); Chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học

sinh, sinh viên DTTS (Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017); Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 1719/QĐ-BGDĐT ngày 23/5/2016); chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn (Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005); chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 (Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 07/01/2015)...; chính sách tăng cường, luân chuyển, ưu đãi, khuyến khích thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về tham gia công tác tại các xã thuộc 61 huyện, xã trọng điểm vùng DTTS, xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP (Quyết định số 56/2006/QĐ-TTg ngày 13/3/2006)...⁴. Với những cơ chế, chính sách này đã tác động mạnh mẽ đến sự phát triển NNL đồng bào DTTS của khu vực Tây Bắc trong những năm qua.

2. Thực trạng mối quan hệ giữa cơ cấu, chính sách và chất lượng đào tạo nguồn nhân lực dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc

Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2021, “toàn vùng có 404 cơ sở dạy nghề, gồm 14 trường cao đẳng nghề, 24 trường trung cấp nghề, 173 trung tâm dạy nghề và 183 cơ sở khác có nhiệm vụ dạy nghề”⁵. Hiện nay, hệ thống trường, lớp và số lượng học sinh theo học của vùng Tây Bắc có gia tăng qua các năm, song hầu hết tập trung tại bậc tiểu học, số học sinh theo học trung học cơ sở và trung học phổ thông chưa cao. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông của các tỉnh Tây Bắc thuộc nhóm thấp nhất trong cả nước và có xu hướng giảm. Ở các cấp học cao hơn, như: đại học, cao đẳng, trung cấp và dạy nghề số lượng sinh viên theo học tại vùng Tây Bắc là rất ít và hầu hết học tại các trường công lập. Cùng với đó, tỷ lệ cán bộ là người DTTS trong ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện còn thấp... Chất lượng NNL thấp đang chi phối và kéo theo hàng loạt vấn đề liên quan, làm chậm sự phát triển của các DTTS.

Trong công tác tạo nguồn, đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã là người DTTS tại các tỉnh khu vực Tây Bắc vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Số lượng cán bộ là người DTTS có trình độ đại học, trên đại học còn thấp; tỷ lệ chưa được đào tạo, bồi dưỡng khá cao. Đơn cử, tại Điện Biên, “đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở, đến nay vẫn còn nhiều chức danh chưa đạt chuẩn theo quy định, trong đó, chưa đạt chuẩn học vấn trung học phổ thông còn 22,5%⁶. Ở tỉnh Lai Châu, đội ngũ cán bộ cơ sở người DTTS độ tuổi dưới 40 chiếm 77,64%; trình độ học vấn trung học phổ thông 57,76%, trung học cơ sở 33,39%, tiểu học 8,83%; trình độ chuyên môn trên đại học 0,03%, đại học 7,48%, cao đẳng 12,68%, trung cấp 50,22%, sơ cấp 4,69%, chưa qua đào tạo 24,9%; trình độ lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp lý luận chính trị 1,92%, trung cấp 6,69%, sơ cấp 11,29%, chưa qua đào tạo 64,47%”⁷.

Mối quan hệ giữa số lượng, cơ cấu và chất lượng là những mối quan hệ thuộc nội tại NNL. Một NNL luôn được biểu hiện về mặt số lượng, cơ cấu và chất lượng nhất định; các mặt đó tương tác chặt chẽ với nhau tạo thành sức mạnh của NNL. Đào tạo với số lượng phù hợp, cơ cấu ngành nghề hợp lý và chất lượng cao là những vấn đề quan trọng hàng đầu của đào tạo NNL DTTS vùng Tây Bắc hiện nay. Quy mô, chỉ tiêu đào tạo NNL DTTS vùng Tây Bắc không phụ thuộc hoàn toàn vào khả năng định hướng của Đảng, Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà theo thị trường lao động việc làm, nhu cầu sử dụng nhân lực DTTS.

Hiện tại, đối với vùng Tây Bắc việc phát triển các nhà máy thủy điện sẽ xuất hiện thêm nhu cầu nhân lực có trình độ cao trực tiếp của các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, nơi mà các nhà máy thủy điện đã được xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng.

Nhưng thực tế, chất lượng NNL DTTS vùng Tây Bắc hiện nay còn khá thấp. Chất

lượng đánh giá mức độ hiệu quả thực hiện đào tạo NNL vùng Tây Bắc chưa cao (chưa hiệu quả là 10%; hiệu quả là 70,8%; rất hiệu quả là 19,2%)⁸. Khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động vùng, trong cả nước hạn chế nên luôn bị thua thiệt, thậm chí mất ưu thế ngay trên “sân nhà” vùng Tây Bắc. Do lĩnh vực kinh tế, ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và quản lý..., các cấp, các ngành đều mong muốn tuyển dụng được lực lượng lao động giỏi, trình độ chuyên môn cao, tay nghề thành thạo, phong cách lao động công nghiệp, chuyên nghiệp. Do đó, trong xu thế phát triển đào tạo đại học hiện nay, giải quyết mối quan hệ giữa số lượng đào tạo và bảo đảm chất lượng, cơ cấu đào tạo NNL DTTS vùng Tây Bắc luôn được đặt ra.

3. Một số đề xuất nhằm giải quyết mối quan hệ giữa cơ cấu, chính sách và cải thiện chất lượng đào tạo nguồn nhân lực dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc

Thứ nhất, cần huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển NNL DTTS chất lượng cao. Trong đó, cần tăng đầu tư của Nhà nước cho phát triển nhân lực, nhất là đầu tư cho giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển NNL, nhất là trong lĩnh vực đào tạo, huy động nguồn vốn xã hội cho giáo dục và đào tạo.

Thứ hai, thực hiện tốt công tác bố trí, đào tạo, sử dụng cán bộ, công chức tại các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 08/2011/QĐ-TTg ngày 26/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường cán bộ cho các xã thuộc huyện nghèo; Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 26/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Dự án thí điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thuộc 64 huyện nghèo; Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên

chức người DTTS trong thời kỳ mới; Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển NNL các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Thứ ba, đổi mới nhận thức về phát triển, sử dụng, quản lý NNL DTTS nói chung và NNL DTTS chất lượng cao nói riêng. Để thực hiện được giải pháp này, trước hết phải quán triệt sâu sắc quan điểm coi con người là nền tảng, là yếu tố quyết định đến sự phát triển bền vững của đất nước. Với ý nghĩa đó, yêu cầu trước hết là các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương, phải thực sự tôn trọng các quyền và lợi ích chính đáng của con người, tạo điều kiện tốt nhất để con người phát triển, đặc biệt là môi trường dân chủ. Một trong những yêu cầu của đổi mới nhận thức của Đảng và Nhà nước ta về phát triển NNL là phải coi trọng hơn nữa chất lượng NNL.

Thứ tư, việc mở rộng quy mô, chỉ tiêu tuyển sinh phải bảo đảm chất lượng, cơ cấu đào tạo NNL DTTS vùng Tây Bắc. Các trường tính toán chỉ tiêu đào tạo NNL DTTS, tham khảo số liệu thống kê dân số, lao động và việc làm hàng năm để sàng lọc, xét cử tuyển sinh viên, cán bộ DTTS cho đào tạo. Các nhà trường cần hướng vào nâng cao chất lượng đào tạo nguồn hiện có: đổi mới quy mô, xác định mục tiêu đào tạo, đổi mới chương trình, nội dung đào tạo... tránh sự lạc hậu về kiến thức và kỹ năng chuyên môn đào tạo. Bên cạnh đó, cần quy định trách nhiệm của các chủ thể trong nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo lại NNL DTTS. Giải quyết mối quan hệ giữa tăng quy mô, chỉ tiêu đào tạo và bảo đảm chất lượng, cơ cấu đào tạo NNL DTTS vùng Tây Bắc góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo NNL và từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH vùng Tây Bắc ở hiện tại và trong thời gian tiếp theo.

Phát triển NNL là một giải pháp quan trọng góp phần phát triển nhanh và bền vững vùng DTTS và miền núi trong bối cảnh đẩy

mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu rộng nền kinh tế thế giới. Trong thời gian tới, cần sớm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo tinh thần Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội đã phê duyệt. Đây là cơ sở, tiền đề quan trọng để các địa phương được thụ hưởng chính sách đặc biệt của Đảng và Nhà nước; quyết tâm chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu, xác định nhu cầu đào tạo, xác định phương thức đào tạo, gắn đào tạo với sử dụng nhân lực. Từ đó, giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ cấu, chính sách và chất lượng đào tạo NNL DTTS vùng Tây Bắc hiện nay. □

Chú thích:

1, 2, 4. *Công tác thể chế đường lối, quan điểm của Đảng đối với vấn đề dân tộc.* <http://www.bandantoc.kontum.gov.vn>, truy cập ngày 12/9/2022.

3. *Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc rất ít người giai đoạn 2016 - 2025.*

5, 8. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Hội nghị Tổng kết năm học 2021 - 2022, triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023.* Hà Nội, ngày 12/8/2022.

6. Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên. *Hội nghị Tổng kết năm 2020, phương hướng nhiệm vụ 2021.* Điện Biên, ngày 15/12/2020.

7. Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu. *Hội nghị Tổng kết năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.* Lai Châu, ngày 17/12/2020.

Tài liệu tham khảo:

1. *Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.*

2. *Một số giải pháp góp phần đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho các tỉnh vùng Tây Bắc.* <https://www.atub.edu.vn>, truy cập ngày 12/8/2022.

3. *Một số chính sách cần quan tâm đối với vùng dân tộc, miền núi khi tham gia quyết định chính sách kinh tế - xã hội.* <http://www.na.gov.vn/nnsvn>, truy cập ngày 12/8/2022.